

Số: 342/CKDK-TCKT
V/v: Giải trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán
năm 2020

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và các Sở Giao dịch lời chào trân trọng.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý II đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh của năm 2020 (kỳ công bố) so với năm 2019 như sau:

MÃ	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	THAY ĐỔI % GIỮA NĂM 2020 VÀ NĂM 2019
1	DOANH THU HOẠT ĐỘNG	157,381,465,229	122,310,031,238	29%
	Trong đó:			
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	15,169,917,640	42,354,732,262	-64%
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	18,384,104,596		
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	61,682,554,528	38,118,096,405	62%
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	421,919,938	1,174,752,734	-64%
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro			
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33,619,577,830	14,511,214,699	132%
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	0	136,363,636	0%
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán			
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6,617,797,069	7,190,763,493	-8%
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	15,470,220,916	12,048,863,333	28%
1.11	Thu nhập hoạt động khác	6,015,372,712	6,775,244,676	-11%
2	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	1,096,677,619	1,622,235,763	-32%
	Trong đó:			
2.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	18,461,893	6,521,645	183%
2.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	1,078,215,726	1,615,714,118	-33%
2.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh			
2.4	Doanh thu khác về đầu tư			
3	TỔNG DOANH THU	158,478,142,848	123,932,267,001	28%
4	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	86,551,892,010	83,109,277,077	4%
5	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	32,594,056,484	6,834,682,878	377%
6	CHI PHÍ BÁN HÀNG			
7	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32,864,183,969	26,973,697,947	22%
8	TỔNG CHI PHÍ	152,010,132,463	116,917,657,902	30%
9	Kết quả hoạt động khác	132,737,624	(90,247,332)	-247%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,600,748,009	6,924,361,767	-5%
11	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(333,669,951)	579,860,655	
12	Lợi nhuận Kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6,934,417,960	6,344,501,112	9%
13	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán.	0	0	

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 9% so với cùng kỳ năm 2019 do nguyên nhân chủ yếu sau:

Trong năm 2020, công ty đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động kinh doanh để đạt được mức doanh thu cao nhằm hoàn thành kế hoạch năm. Cụ thể là: Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 62%; Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán tăng 132%; Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng 28%; Doanh thu do chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện tăng 183%. Bên cạnh các hoạt động tăng trưởng doanh thu vẫn có những hoạt động kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 64%; Lãi từ các

tài chính sẵn sàng để bán AFS giảm 64%; Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán giảm 8%; Thu nhập hoạt động khác giảm 11%; Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định giảm 33%. Tuy nhiên, những hoạt động kinh doanh có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm ngoái chiếm tỷ lệ cao và có mức tăng cao nên tổng doanh thu toàn công ty tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

Về chi phí, trong năm 2020, do công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh do đó tổng chi phí của công ty có tăng so với cùng kỳ năm ngoái là 30%.

Do doanh thu tăng 29% và chi phí tăng 30% như phân tích ở trên do vậy lợi nhuận sau thuế năm 2020 của công ty tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh năm 2020 so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT (để b/c)
- Ban điều hành (để biết)
- Lưu VT, TCKT.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



NGUYỄN XUÂN HƯNG

